

Bản số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thanh Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990.(có mặt).

Nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Vân A**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Vân A kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh T ở xóm T, xã H, huyện Đ. Vợ chồng sống không có tiền nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Nay chị Vân A đã bỏ đi làm ăn xa, sống ly thân với anh. Vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng chỉ để hỏi thăm về con chung chứ không hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về, chung chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vân A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tùng A1, sinh ngày 02/6/2016, hiện nay do anh T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được

tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Vân A trình bày trong bản tự khai ghi ngày 15/6/2022 như sau: Chị xác định về điều kiện, thời gian kết hôn như anh T đã trình bày ở trên. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều vấn đề xảy ra, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cả hai đã sống ly thân do tình cảm vợ chồng đã hết. Hiện nay chị đang đi làm xa, không về để tham gia giải quyết vụ án được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị. Về con chung, chị Vân A xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tùng A1, sinh ngày 02/6/2016, hiện nay do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị nhất trí nhường quyền nuôi con chung cho anh T, chị tự thỏa thuận với anh T về việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho chị Vân Anh nhưng chị xin vắng mặt. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Vân Anh đề nghị toà án xét xử vắng mặt do anh bận công việc không thể thu xếp để tham gia phiên toà được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là Nguyễn Thị Vân A. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Vân A có đơn xin không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Đến nay chị Vân A đã ly thân anh T và con gái nhỏ đi đâu, làm gì anh T không biết cụ thể, anh T và gia đình chị Vân A đã khuyên bảo nhiều lần qua điện thoại nhưng chị Vân A không quay về với chồng con, chị Vân A không còn quan tâm đến chồng con và cuộc sống chung. Tại phiên Tòa anh T xin ly hôn chị Vân A vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, còn chị Vân A cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã hết. Hội đồng xét xử đã động viên anh T suy nghĩ, xem xét nhưng anh T vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn do tình cảm vợ chồng với chị Vân A đã hết. Xét thấy anh T và chị Vân A không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng ly thân đã lâu không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung thực tế không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Vân A.

[3] Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tùng A1, sinh ngày 02/6/2016. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con và chị Vân A cũng nhất trí cho con trai ở với bố. Xét hiện tại chị Vân A đã ly thân với anh T con hiện anh T vẫn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con và ảnh hưởng tâm lý của con cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc nuôi con. Chị Vân A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung không yêu cầu xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn T, cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Vân A.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tùng A1, sinh ngày 02/6/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Vân A do anh T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết

Chị Nguyễn Thị Vân A có quyền và nghĩa vụ chăm sóc và thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn khi cần thiết, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Tài sản chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[5]. Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005345 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Vân A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn